

Số: /TB-UBND

Vĩnh Định, ngày tháng 4 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc công khai danh mục TTHC thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã

Thực hiện Quyết định số 2989/QĐ-UBND ngày 09/12/2025 của UBND tỉnh về Phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, UBND xã công khai danh mục TTHC thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công xã như sau:

1. Nội dung công khai

- Công khai Quyết định phê duyệt danh mục TTHC định số 2989/QĐ-UBND ngày 09/12/2025 của UBND tỉnh về Phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (*Có Quyết định kèm theo*).

- Công khai Danh mục 309 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính tại Trung tâm PVHCC cấp tỉnh (*chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

- Công khai Thông báo của các Sở, ngành cấp tỉnh về Danh mục thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý, giải quyết không phụ thuộc địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Trung tâm hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh (*có văn bản kèm theo*).

2. Địa điểm công khai và thực hiện: Tại Trung tâm PVHCC xã thuộc trụ sở HĐND và UBND xã Vĩnh Định.

Địa chỉ: Thôn Thi Ông, xã Vĩnh Định, tỉnh Quảng Trị.

3. Hình thức công khai:

- Niêm yết công khai tại Trụ sở Trung tâm PVHCC xã.

- Đăng tải trên Trang thông tin điện tử xã.

UBND xã trân trọng thông báo để các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có nhu cầu giải quyết TTHC được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Văn phòng UBND tỉnh (b/c);
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh (b/c);
- TT Đảng ủy xã (b/c);
- CT, các PCT UBND xã;
- Ban TT UBMTTTQVN xã;
- Các phòng chuyên môn thuộc UBND xã;
- Trung tâm PVHCC xã;
- Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã;
- Các thôn trên địa bàn;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Tô Thị Hải Yến

Phụ lục
DANH MỤC TTHC CẤP XÃ THỰC HIỆN KHÔNG PHỤ THUỘC
VÀO ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH TẠI TRUNG TÂM PVHCC XÃ

STT	Tên Dịch vụ công trực tuyến	DVC TT toàn trình	DVC TT một phần	Mã TTHC
I	NHÓM TTHC THUỘC NGÀNH TƯ PHÁP (51)	40	11	
	LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC (01)			
1	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại		x	2.002165.H50
	LĨNH VỰC HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ (03)			
2	Công nhận hòa giải viên	x		1.002211.H50
3	Công nhận tổ trưởng tổ hòa giải	x		2.000950.H50
4	Thôi làm hòa giải viên	x		2.000930.H50
	LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI (04)			
5	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước DVCTT một phần		x	2.001263.H50
6	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	x		2.001255.H50
7	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi	x		2.002349.H50
8	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	x		2.002363.H50
	LĨNH VỰC HỘ TỊCH (39)			
9	Đăng ký khai sinh	x		1.001193.H50
10	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	x		2.000528.H50
11	Đăng ký lại khai sinh	x		1.004884.H50
12	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	x		2.000522.H50
13	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	x		1.001022.H50
14	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	x		2.000779 .H50
15	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con		x	1.000689.H50
16	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài		x	1.001695.H50
17	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	x		1.004772.H50

STT	Tên Dịch vụ công trực tuyến	DVC TT toàn trình	DVC TT một phần	Mã TTHC
18	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	x		1.000893.H50
19	Đăng ký kết hôn		x	1.000894.H50
20	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài		x	2.000806.H50
21	Đăng ký lại kết hôn		x	1.004746.H50
22	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài		x	2.000513.H50
23	Đăng ký khai tử	x		1.000656.H50
24	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	x		1.001766.H50
25	Đăng ký lại khai tử	x		1.005461.H50
26	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	x		2.000497.H50
27	Đăng ký giám hộ	x		1.004837.H50
28	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	x		1.001669.H50
29	Đăng ký chấm dứt giám hộ	x		1.004845.H50
30	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	x		2.000756.H50
31	Đăng ký giám sát việc giám hộ	x		3.000323.H50
32	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	x		3.000322.H50
33	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	x		1.004859.H50
34	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài	x		2.000748.H50
35	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	x		2.002189.H50
36	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	x		2.000554.H50
37	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	x		2.000547.H50
38	Đăng ký khai sinh lưu động		x	1.003583.H50
39	Đăng ký kết hôn lưu động		x	1.000593.H50
40	Đăng ký khai tử lưu động		x	1.000419.H50
41	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	x		1.000110.H50
42	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực	x		1.000094.H50

STT	Tên Dịch vụ công trực tuyến	DVC TT toàn trình	DVC TT một phần	Mã TTHC
	biên giới			
43	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	x		1.000080.H50
44	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	x		1.004827.H50
45	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	x		1.004873.H50
46	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	x		2.000635.H50
47	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	x		2.002516.H50
48	Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	x		2.002621.H50
49	Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất	x		2.002622.H50
	LĨNH VỰC HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ (02)			
50	Thanh toán thù lao cho hòa giải viên	x		2.002080.H50
51	Thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	x		2.000424.H50
II	NHÓM TTHC THUỘC NGÀNH XÂY DỰNG (40)	31	9	
	LĨNH VỰC NHÀ Ở VÀ CÔNG SỞ			
1	Công nhận Ban quản trị nhà chung cư	x		1.012888.H50
	LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ			
2	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cố định, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ	x		2.001921.H50
3	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	x		1.013274.H50
4	Chấp thuận vị trí đầu nối tạm vào đường bộ đang khai thác	x		1.000314.H50
5	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	x		1.013061.H50
	LĨNH VỰC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA			

STT	Tên Dịch vụ công trực tuyến	DVC TT toàn trình	DVC TT một phần	Mã TTHC
6	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	x		1.009444.H50
7	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa	x		1.009447.H50
8	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	x		1.004088.H50
9	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	x		1.004047.H50
10	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	x		1.004036.H50
11	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	x		2.001711.H50
12	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	x		1.004002.H50
13	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	x		1.003970.H50
14	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	x		1.006391.H50
15	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	x		1.003930.H50
16	Xóa đăng ký phương tiện	x		2.001659.H50
17	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	x		2.001217.H50
18	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	x		2.001218.H50
19	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	x		1.009452.H50
20	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	x		1.009453.H50
21	Công bố hoạt động bến thủy nội địa	x		1.009454.H50
22	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy	x		1.009455.H50

STT	Tên Dịch vụ công trực tuyến	DVC TT toàn trình	DVC TT một phần	Mã TTHC
	nội địa phục vụ thi công công trình chính			
23	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa	x		1.003658.H50
24	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	x		2.001215.H50
25	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước		x	2.001214.H50
26	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước		x	2.001212.H50
27	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước		x	2.001211.H50
28	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	x		1.005040.H50
29	Xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải	x		1.002372
	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG			
30	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình không theo tuyến/ Theo tuyến trong đô thị/ Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/ Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/ Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/ Dự án) và nhà ở riêng lẻ.		x	1.013225.H50
31	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình không theo tuyến/ Theo tuyến trong đô thị/ Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/ Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/ Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/ Dự án) và nhà ở riêng lẻ.		x	1.013229.H50
32	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình không theo tuyến/ Theo tuyến trong đô thị/ Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/ Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/ Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/ Dự án) và nhà ở riêng lẻ.		x	1.013232.H50
33	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình không theo tuyến/ Theo tuyến trong đô thị/ Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/ Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/ Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/ Dự án) và nhà ở riêng lẻ.		x	1.013226.H50
34	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình không theo tuyến/ Theo tuyến trong đô thị/ Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành		x	1.013227.H50

STT	Tên Dịch vụ công trực tuyến	DVC TT toàn trình	DVC TT một phần	Mã TTTC
	tráng/ Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/ Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/ Dự án) và nhà ở riêng lẻ.			
35	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình không theo tuyển/ Theo tuyển trong đô thị/ Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/ Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/ Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/ Dự án) và nhà ở riêng lẻ.		x	1.013228.H50
	LĨNH VỰC QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN			
36	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	x		1.014156
37	Phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	x		1.014158
38	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	x		1.014155
39	Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	x		1.014157
40	Cung cấp thông tin quy hoạch đô thị và nông thôn	x		1.014159
II I	NHÓM DVCTT NGÀNH VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH (09)	07	02	
	LĨNH VỰC THỂ DỤC THỂ THAO			
1	Thủ tục Công nhận Câu lạc bộ thể thao	x		2.000794.H50
	LĨNH VỰC GIA ĐÌNH			
2	Cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã		x	1.012084.H50
3	Hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc		x	1.012085.H50
	LĨNH VỰC VĂN HÓA			
4	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	x		1.003622.H50
5	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ đăng ký lễ hội quy mô cấp xã	x		1.013791.H50
	LĨNH VỰC PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ			
6	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt	x		1.013792.H50

STT	Tên Dịch vụ công trực tuyến	DVC TT toàn trình	DVC TT một phần	Mã TTHC
	động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng			
7	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	x		1.013793.H50
8	Thủ tục gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	x		1.013794.H50
9	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	x		1.013795.H50
IV	NHÓM DVCTT NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG (58)	15	43	
	LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC			
1	Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất	x		1.001662.H50
	LĨNH VỰC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO			
2	Giao khu vực biển cho cá nhân thủy sản Việt Nam để nuôi trồng thủy sản		x	3.000439.H50
3	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản		x	3.000440.H50
4	Trả lại khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng		x	3.000441.H50
5	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản		x	3.000442.H50
6	Công nhận khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản		x	3.000443.H50
	LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG			
7	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường	x		1.010736.H50
	LĨNH VỰC ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRÀN DẦU			
8	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở kinh doanh xăng, dầu chỉ có nguy cơ xảy ra tràn dầu ở mức nhỏ trên đất liền, trên sông, trên biển		x	
	LĨNH VỰC ĐA DẠNG SINH HỌC			
9	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	x		1.004082.H50

STT	Tên Dịch vụ công trực tuyến	DVC TT toàn trình	DVC TT một phần	Mã TTHC
	LĨNH VỰC KIỂM LÂM			
10	Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng		x	1.012922.H50
11	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân		x	1.012531.H50
12	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái		x	3.000250.H50
13	Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã		x	1.011471.H50
14	Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công		x	1.007919.H50
15	Quyết định thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng		x	1.012695.H50
16	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân		x	1.012694.H50
17	Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư		x	3.000502.H50
	LĨNH VỰC THỦY LỢI, ĐÊ ĐIỀU VÀ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI			
18	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội.	x		1.010091.H50
19	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội.	x		1.010092.H50
20	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh phân cấp	x		2.001627.H50
21	Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	x		1.003471.H50

STT	Tên Dịch vụ công trực tuyến	DVC TT toàn trình	DVC TT một phần	Mã TTHC
22	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã 16	x		1.003347.H50
23	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	x		2.001621.H50
24	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	x		1.003446.H50
25	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	x		1.003440.H50
26	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước trên địa bàn do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp	x		1.013768.H50
	LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT, BẢO VỆ THỰC VẬT			
27	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa	x		1.008004.H50
	LĨNH VỰC CHĂN NUÔI, THÚ Y			
28	Hỗ trợ chi phí nâng cao hiệu quả chăn nuôi cho đơn vị đã cung cấp vật tư phối giống, công phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước		x	1.012836.H50
29	Phê duyệt hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước		x	1.012837.H50
30	Hỗ trợ cơ sở sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh động vật (cơ sở sản xuất không thuộc lực lượng vũ trang nhân dân)		x	1.013997.H50
	LĨNH VỰC GIẢM NGHÈO			
31	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát		x	1.011606.H50

STT	Tên Dịch vụ công trực tuyến	DVC TT toàn trình	DVC TT một phần	Mã TTHC
	nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm			
32	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm		x	1.011607.H50
33	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm		x	1.011608.H50
34	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình		x	1.011609.H50
35	Công nhận người lao động có thu nhập thấp		x	3.000412.H50
	LĨNH VỰC THUỶ SẢN			
36	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý).		x	1.003956.H50
37	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)		x	1.004498.H50
38	Công bố mở cảng cá loại 3	x		1.004478.H50
	LĨNH VỰC KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, NÔNG NGHIỆP			
39	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã)	x		1.003596.H50
40	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp xã)		x	1.003434.H50
	LĨNH VỰC KHOÁNG SẢN			
41	Cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản		x	1.014258.H50
42	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		x	1.014259.H50
	LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI			
43	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004		x	1.012817.H50
44	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót		x	1.012796.H50
45	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi		x	1.012791.H50
46	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất		x	1.012753.H50
47	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất		x	1.013949.H50

STT	Tên Dịch vụ công trực tuyến	DVC TT toàn trình	DVC TT một phần	Mã TTTC
	không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất			
48	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất		x	1.013950.H50
49	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa		x	1.013952.H50
50	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân		x	1.013953.H50
51	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở		x	1.013962.H50
52	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, người gốc Việt Nam		x	1.013978.H50

STT	Tên Dịch vụ công trực tuyến	DVC TT toàn trình	DVC TT một phần	Mã TTHC
	định cư ở nước ngoài			
53	Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông đối với trường hợp thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận		x	1.013979.H50
54	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích mà người sử dụng là cá nhân		x	1.013965.H50
55	Tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư.		x	1.014275.H50
56	Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển.		x	1.014284.H50
57	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã		x	1.013967.H50
58	Hòa giải tranh chấp đất đai		x	1.012812.H50
V	NHÓM DVCTT NGÀNH NỘI VỤ (17)	03	14	
	LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG			
1	Thăm viếng mộ liệt sĩ	X		1.013750.H50
2	Cấp Giấy xác nhận thân nhân của người có công	X		1.010833.H50
	LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HỘI, QUỸ			
3	Công nhận ban vận động thành lập hội		X	1.013702.H50
4	Thành lập hội		X	1.013703.H50
5	Báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội		X	1.013704.H50
6	Thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội		X	1.013706.H50
7	Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội		X	1.013707.H50
8	Hội tự giải thể		X	1.013708.H50
9	Cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn		X	1.013709.H50
10	Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ		X	1.013711.H50
11	Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng quản lý quỹ		X	1.013712.H50
12	Công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ		X	1.013713.H50
13	Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ		X	1.013714.H50

STT	Tên Dịch vụ công trực tuyến	DVC TT toàn trình	DVC TT một phần	Mã TTHC
	quỹ			
14	Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động		X	1.013715.H50
15	Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ		X	1.013716.H50
16	Quỹ tự giải thể		X	1.013717.H50
	LĨNH VỰC QUẢN LÝ LAO ĐỘNG NƯỚC NGOÀI			
17	Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết	X		1.013734.H50
VI	NHÓM DVCTT NGÀNH TÀI CHÍNH (41)	37	04	
	LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘ KINH DOANH			
1	Thủ tục đăng ký thành lập hộ kinh doanh	x		1.001612.H50
2	Thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	x		2.000720.H50
3	Thủ tục Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	x		1.001570.H50
4	Thủ tục chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	x		1.001266.H50
5	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	x		2.000575.H50
6	Đăng ký cập nhật, bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh	x		1.014034.H50
7	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh	x		1.014035.H50
	LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ HỢP TÁC, HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ			
8	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	x		2.002635.H50
9	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo	x		2.002636.H50
10	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối	x		2.002637.H50

STT	Tên Dịch vụ công trực tuyến	DVC TT toàn trình	DVC TT một phần	Mã TTHC
	tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023			
11	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy	x		2.002638.H50
12	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	x		2.002639.H50
13	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác	x		2.002640.H50
14	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác	x		2.002641.H50
15	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác	x		2.002642.H50
16	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	x		2.002643.H50
17	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác	x		2.002644.H50
18	Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	x		2.002645.H50
19	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài	x		2.002646.H50
20	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	x		2.002648.H50
21	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	x		2.002649.H50
22	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp HTX	x		2.002650.H50
23	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất	x		1.005280.H50
24	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh	x		2.002123.H50
25	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	x		1.004901.H50
26	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	x		1.004979.H50
27	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	x		2.001958.H50
28	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của	x		1.005378.H50

STT	Tên Dịch vụ công trực tuyến	DVC TT toàn trình	DVC TT một phần	Mã TTHC
	chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của HTX, liên hiệp HTX			
29	Thông báo tạm ngừng kinh doanh/ tiếp tục kinh doanh trở lại đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	x		1.005377.H50
30	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	x		2.001973.H50
31	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	x		1.004982.H50
32	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	x		1.005010.H50
33	Thông báo thành lập/ thay đổi tổ hợp tác	x		2.002226.H50
34	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	x		2.002228.H50
35	Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp HTX	x		2.002668.H50
36	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã (sau đây gọi tắt là Quỹ hợp tác xã) địa phương hoạt động theo mô hình hợp tác xã	x		1.014371.H50
37	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	x		1.005277.H50
	LĨNH VỰC QUẢN LÝ CÔNG SẢN, TÀI CHÍNH ĐẤT ĐAI			
38	Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản là di sản không có người thừa kế		x	3.000410.H50
39	Khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư		x	1.12994.H50
40	Giao tài sản kết cấu hạ tầng		x	3.000327.H50
41	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp mất, hủy hoại		x	3.000326.H50
VII	NHÓM DVCTT NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (53)	33	20	
	LĨNH VỰC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP			
1	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư	x		2.001960.H50

STT	Tên Dịch vụ công trực tuyến	DVC TT toàn trình	DVC TT một phần	Mã TTHC
	thực hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài			
2	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc cấp xã		x	2.002284.H50
	LĨNH VỰC GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN			
3	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng (tại cấp xã)		x	1.012969.H50
4	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại (tại cấp xã)	x		1.012970.H50
5	Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng (tại cấp xã)		x	3.000307.H50
6	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm) (tại cấp xã)	x		3.000308.H50
	LĨNH VỰC GIÁO DỤC ĐÀO TẠO THUỘC HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN			
7	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	x		1.001622.H50
8	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	x		1.008950.H50
9	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tự thực ở địa bàn có khu công nghiệp	x		1.008951.H50
10	Xét, cấp học bổng chính sách	x		1.002407.H50
11	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tự thực do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tự thực hoạt động không vì lợi nhuận	x		1.008724.H50
12	Chuyển đổi trường tiểu học tự thực, trường trung học cơ sở tự thực và trường phổ thông tự thực có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tự thực hoạt động không vì lợi nhuận	x		1.008725.H50
13	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người		x	1.003702.H50
14	Xét duyệt trẻ em nhà trẻ bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo		x	2.002771.H50
15	Xét duyệt học sinh bán trú, học viên bán trú hỗ		x	2.002770.H50

STT	Tên Dịch vụ công trực tuyến	DVC TT toàn trình	DVC TT một phần	Mã TTHC
	trợ kinh phí, hỗ trợ gạo			
16	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục		x	1.001714.H50
17	Công nhận trường trung học đạt chuẩn Quốc gia	x		1.000691.H50
18	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	x		1.000280.H50
19	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia	x		1.000288.H50
	LĨNH VỰC KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG			
20	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	x		1.000711.H50
21	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	x		1.000713.H50
22	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	x		1.000715.H50
	LĨNH VỰC GIÁO DỤC MẦM NON			
23	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (gọi chung là trường mầm non) (tại cấp xã)	x		1.012961.H50
24	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục (tại cấp xã)		x	1.006390.H50
25	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại (tại cấp xã)		x	1.006444.H50
26	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (tại cấp xã)		x	1.006445.H50
27	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường) (tại cấp xã)	x		1.012962.H50
28	Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập (tại cấp xã)		x	1.012971.H50
29	Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại (tại cấp xã)	x		1.012972.H50
30	Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập (tại cấp xã)		x	1.012973.H50
31	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường) (tại cấp xã)	x		1.012974.H50
	LĨNH VỰC GIÁO DỤC TIỂU HỌC (06 TTHC)			
32	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học (tại cấp xã)	x		1.012963.H50
33	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục (tại cấp xã)		x	2.001842.H50

STT	Tên Dịch vụ công trực tuyến	DVC TT toàn trình	DVC TT một phần	Mã TTHC
34	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại (tại cấp xã)	x		1.004552.H50
35	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học (tại cấp xã)	x		1.004563.H50
36	Giải thể trường tiểu học (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường) (tại cấp xã)	x		1.001639.H50
37	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học (tại cấp xã)	x		1.005099.H50
	LĨNH VỰC GIÁO DỤC TRUNG HỌC (09 TTHC)			
38	Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)		x	1.012968.H50
39	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở		x	1.012967.H50
40	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại		x	1.012966.H50
41	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục		x	1.012965.H50
42	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở người nước ngoài	x		2.002483.H50
43	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở	x		2.002481
44	Tuyển sinh trung học cơ sở	x		3.000182.H50
45	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở Việt Nam về nước	x		2.002482.H50
46	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở		x	1.012964.H50
47	Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc trung học cơ sở		x	1.005108.H50
48	Tiếp nhận đối tượng học bổ túc trung học cơ sở		x	2.001904.H50
	LĨNH VỰC CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC KHÁC (02 TTHC)			
49	Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở (tại cấp xã)		X	3.000309.H50

STT	Tên Dịch vụ công trực tuyến	DVC TT toàn trình	DVC TT một phần	Mã TTHC
50	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học		X	1.012975.H50
	LĨNH VỰC VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ (02 TTHC)			
51	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (tại cấp xã)	x		3.000467.H50
52	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (tại cấp xã)	x		3.000468.H50
	LĨNH VỰC THI, TUYỂN SINH (01 TTHC)			
53	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú	x		1.005090.H50
VIII	NHÓM DVCTT NGÀNH Y TẾ (12)	11	01	
	LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI			
1	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	X		1.001776.H50
2	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	X		1.001731.H50
3	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	X		2.000355.H50
4	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	X		1.014027.H50
5	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với đối tượng hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	X		1.014028.H50
6	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	X		1.001699.H50
7	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	X		1.001653.H50
	LĨNH VỰC TRẺ EM			
8	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	X		2.001947.H50
9	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	X		1.004941.H50
10	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	X		2.001944.H50
11	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	X		2.001942.H50
	LĨNH VỰC DÂN SỐ, BÀ MẸ - TRẺ EM			
12	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh		X	2.001088.H50

STT	Tên Dịch vụ công trực tuyến	DVC TT toàn trình	DVC TT một phần	Mã TTHC
	con đúng chính sách dân số			
IX	NHÓM DVCTT NGÀNH CÔNG THƯƠNG (17)	09	08	
	LĨNH VỰC KINH DOANH KHÍ			
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai.		X	2.001283.H50
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai.		X	2.001270.H50
3	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai.		X	2.001261.H50
	LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC			
4	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	X		2.000150.H50
5	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	X		2.000162.H50
6	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	X		2.000181.H50
7	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	X		2.000633.H50
8	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	X		1.001279.H50
9	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	X		2.000629.H50
10	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	X		2.000620.H50
11	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	X		2.001240.H50
12	Cấp lại Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	X		2.000615.H50
	LĨNH VỰC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CHỢ DO NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ QUẢN LÝ			
13	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý		X	1.012568.H50
14	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ		X	1.012569.H50
	LĨNH VỰC AN TOÀN ĐẬP, HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN			
15	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã		X	2.000206.H50
	LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP ĐỊA PHƯƠNG			
16	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã		X	2.002096.H50
	LĨNH VỰC BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG			
17	Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên		X	2.002620.H50

STT	Tên Dịch vụ công trực tuyến	DVC TT toàn trình	DVC TT một phần	Mã TTHC
X	NHÓM NGÀNH DÂN TỘC TÔN GIÁO (11)	09	02	
	LĨNH VỰC DÂN TỘC			
1	Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số.		x	1.012222.H50
2	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số		x	1.012223.H50
	LĨNH VỰC TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO			
3	Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng	x		1.012592.H50
4	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng	x		1.012591.H50
5	Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung	x		1.012590.H50
6	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung	x		1.012585.H50
7	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã	x		1.012584.H50
8	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác	x		1.012582.H50
9	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một xã	x		1.013796.H50
10	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một xã	x		1.013797.H50
11	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một xã	x		1.013798.H50